

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HS-ST

Ngày: 21 - 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Thanh Diện và bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2021/TLST-HS ngày 19/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HS ngày 12/11/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1963 tại Quảng Bình; Nơi cư trú: Tổ dân phố Minh L, phường Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C và bà Trần Thị T (Đều đã chết); Chồng là Nguyễn Văn D và 05 người con, lớn nhất 33 tuổi, nhỏ nhất 28 tuổi; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 11/5/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Phạm Tuấn A, sinh năm 1982, nơi cư trú: Tổ dân phố 6, phường Đồng S, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Anh Hoàng Tuấn A, sinh năm 1985, nơi cư trú: Tổ dân phố Minh L, phường Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Anh Phan Thanh N, sinh năm 1992, nơi cư trú: Khu phố 1, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Anh Phan Văn H, sinh năm 1991, nơi cư trú: Tổ dân phố 8, phường Đồng P, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Anh Đặng Xuân L, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn 16, xã Lộc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Anh Trương Anh T, sinh năm 1984, nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường Quảng T, thị xã Ba , tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Anh Trần Hữu T, sinh năm 1996, nơi cư trú: Thôn 7, thị trấn Hoàn L, huyện Bố T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Anh Bùi Tiến Đ, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn Cảnh T, xã Cảnh D, huyện Quảng Tr, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1964, nơi cư trú: Thôn Văn P, xã Quảng V, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Anh Tạ Hữu T, sinh năm 1993, nơi cư trú: Khu phố 5, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Bà Trần Thị P, sinh năm 1963, nơi cư trú: Khu phố 5, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2018 đến tháng 4 năm 2021, Nguyễn Thị H đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất từ 1.000 đồng đến 4.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày. Trong số đó, có 11 người vay tiền với lãi suất thấp nhất 109,5%/năm, cao nhất 146%/năm; gấp 5,47 đến 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị H thỏa thuận với người vay thu lãi định kỳ và theo dõi việc cho vay bằng cách yêu cầu người vay ghi nội dung vay vào sổ tay cá nhân. Tổng số tiền gốc mà Hường cho vay 892.000.000đ, đã thu tiền gốc 488.720.000đ, tiền lãi 213.005.000 đồng (gồm tiền lãi 20% là 36.986.301 đồng, tiền thu lợi bất chính 176.018.698 đồng), tiền gốc người vay chưa trả 403.280.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Phạm Tuấn A, sinh năm 1982, trú tại Tổ dân phố 6, phường Đồng S, thành phố Đồng H: Ngày 06/4/2021 vay 10.000.000 đồng, tiền lãi 3.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. Đã trả hết tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi của 10 ngày vay, trong đó bà H thu lợi bất chính 245.205 đồng.

2. Hoàng Tuấn A, sinh năm 1985, trú tại Tổ dân phố Minh L, phường Quảng T, thị xã Ba Đ vay 05 lần với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm gồm:

- Lần 1: Ngày 25/4/2018 vay 35.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 3.150.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 2.574.657 đồng.

- Lần 2: Ngày 29/3/2019 vay 20.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 1.471.232 đồng.

- Lần 3: Ngày 13/6/2019 vay 50.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 4.500.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 3.678.082 đồng.

- Lần 4: Ngày 16/9/2019 vay 50.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 4.500.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 3.678.082 đồng.

- Lần 5: Ngày 31/12/2019 vay 50.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 4.500.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 3.678.082 đồng.

Tổng cộng 05 lần vay, bà Hoàng thu lợi bất chính 15.080.135 đồng.

3. Phan Thanh N, sinh năm 1992, trú tại Khu phố 1, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ vay 02 lần với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm gồm:

- Lần 1: Ngày 19/01/2018 vay 5.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 3.300.000 đồng tiền lãi của 220 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 2.697.260 đồng.

- Lần 2: Ngày 17/12/2018 vay 5.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 3.720.000 đồng tiền lãi của 248 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 3.040.547 đồng.

Tổng cộng 02 lần vay H thu lợi bất chính 5.737.807 đồng.

4. Phan Văn H, sinh năm 1991, trú tại Tổ dân phố 8, phường Đồng P, thành phố Đồng H vay 02 lần với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm gồm:

- Lần 1: Ngày 21/4/2018 vay 5.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 6.975.000 đồng tiền lãi của 465 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 5.701.027 đồng.

- Lần 2: Ngày 04/5/2018 vay 5.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 6.975.000 đồng tiền lãi của 465 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 5.701.027 đồng.

Tổng 02 lần vay H thu lợi bất chính 11.402.054 đồng.

5. Đặng Xuân L, sinh năm 1986, trú tại Thôn 16, xã Lộc N, thành phố Đồng H vay 02 gói với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm gồm:

- Gói 1: Ngày 06/10/2018 vay 7.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 3.255.000 đồng tiền lãi của 155 ngày vay, trong đó bà H thu lợi bất chính 2.660.479 đồng.

- Lần 2: Ngày 14/11/2018 vay 25.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 6.750.000 đồng tiền lãi của 90 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 5.517.123 đồng.

Tổng cộng 02 lần vay H thu lợi bất chính 8.177.602 đồng.

6. Trương Anh T, sinh năm 1984, trú tại Tổ dân phố C, phường Quảng T, thị xã Ba Đ: Ngày 15/01/2018 vay 30.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm. Đã trả hết tiền gốc và 20.160.000 đồng tiền lãi của 224 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 16.477.808 đồng.

7. Trần Hữu T, sinh năm 1996, trú tại thôn 7, thị trấn Hoàn L, huyện Bồ T vay 02 lần với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm gồm:

- Lần 1: Ngày 04/01/2018 vay 10.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 735.616 đồng.

- Lần 2: Ngày 16/8/2018 vay 10.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 3.720.000 đồng tiền lãi của 124 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 3.040.547 đồng.

Tổng cộng 02 lần vay H thu lợi bất chính 3.776.163 đồng.

8. Bùi Tiến Đ, sinh năm 1991, trú tại thôn Cảnh T, xã Cảnh Dương, huyện Quảng T: Ngày 09/10/2020 vay 20.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm. Đã trả hết tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 1.471.232 đồng.

9. Hoàng Thị H, sinh năm 1964, trú tại thôn Văn P, xã Quảng V, thị xã Ba Đồn vay 02 lần, gồm:

- Lần 1: Ngày 02/5/2018 vay 320.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 146%/năm. Đã trả được 32.000.000 đồng tiền lãi của 25 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 27.616.438 đồng, tiền gốc chưa trả.

- Lần 2: Ngày 25/5/2018 vay 160.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm. Đã trả được 76.720.000 đồng tiền gốc và 89.280.000 đồng tiền lãi của 186 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 72.973.150 đồng. Tiền gốc chưa trả 83.280.000 đồng.

Tổng cộng 02 lần vay H thu lợi bất chính 100.589.588 đồng.

10. Tạ Hữu T, sinh năm 1993, trú tại khu phố 5, phường Ba Đ, thị xã Ba Đồn vay 03 lần với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm, gồm:

- Lần 1: Ngày 01/02/2018 vay 35.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 3.150.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 2.574.657 đồng.

- Lần 2: Ngày 01/12/2018 vay 15.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 1.350.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 1.103.424 đồng.

- Lần 3: Ngày 01/01/2020 vay 10.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 735.616 đồng.

Tổng cộng 03 lần vay H thu lợi bất chính 4.413.697 đồng.

11. Trần Thị P, sinh năm 1963, trú tại khu phố 5, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ: Ngày 08/8/2020 vay 15.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 146%/năm. Đã trả 10.020.000 đồng tiền lãi của 167 ngày vay, trong đó Hường thu lợi bất chính 8.647.397 đồng. Sau đó, H thống nhất trừ tiền lãi vào gốc cho bà Phương, hiện bà P đã trả thêm 5.000.000 đồng tiền gốc, theo thỏa thuận xem như bà P đã trả hết nợ gốc.

Tại bản kết luận giám định số 1105/GĐ-PC09 ngày 03/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận:

Các chữ viết: “Tôi tên là Trần Hữu T hôm nay ngày 04/01/2018 tôi có mượn của bà H 10.000.000 (mười triệu đồng) tôi có để lại 01 bằng lái ô tô mang tên Trần Hữu T hẹn đến ngày 4/2/2018 trả. Nếu tôi không trả số tiền trên thì tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trần Hữu T” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (mặt trước) và các chữ viết: “Ngày 16/8/2018 tôi có mượn của O H số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng) tôi có để lại giấy phép lái xe của tôi để làm tin số 80A44730, nếu không trả tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Trần Hữu Thuận” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (mặt sau) so với chữ viết của Trần Hữu T trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết ra.

Chữ ký đứng tên Hoàng Thị H trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 (mặt sau) và trên mẫu cần giám định ký hiệu A3, A4 so với chữ ký của Hoàng Thị H trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người ký ra.

Các chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 (mặt sau) và chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 (trừ các chữ viết: mặt trước: “Hường Nguyễn Thị Hường”, mặt sau: “Lãi (4) Hường Nguyễn Thị Hường”) trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 (trừ các chữ viết: mặt trước: “đã trả lãi đến ngày 27-3 rồi, “17-4 rồi”, ”đã trả lãi đến ngày 2-5 rồi” Hường Nguyễn Thị Hường”, mặt sau: “đã trả lãi ngày 2-5 DL”) so với chữ viết của Hoàng Thị H trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra Hoàng Thị H và Trần Hữu T không có mặt tại địa phương nên không thu thập được lời khai, tuy nhiên căn cứ các thông tin về việc vay tiền do H và T trực tiếp viết vào sổ tay của Nguyễn Thị H, được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh kết luận giám định đúng là chữ viết của Trần Hữu Thuận và đúng chữ ký, chữ viết của Hoàng Thị H, phù hợp lời khai của Nguyễn

Thị H nên đủ tài liệu chứng cứ để xử lý bà H đối với các khoản cho vay của Hoàng Thị H và Trần Hữu T.

Trong số những người vay tiền của bà Trần Thị H, có Bùi Văn K sinh năm 1989, trú tại xã Quảng H, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình (nguyên công chức địa chính - NN - XD và Môi trường xã Quảng K, huyện Quảng Trạch) vay số tiền 130.000.000 đồng vào ngày 08/3/2017, khi vay Khánh để lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Ngọc B sinh năm 1977 và bà Lê Thị T, sinh năm 1979 trú tại xã Quảng K, huyện Quảng T kèm theo giấy ủy quyền ngày 08/8/2016 với nội dung: “Tôi Trần Ngọc B ủy quyền lại cho Bùi Văn Khánh cầm thẻ đỏ đi vay mượn, cầm cố”. Tại kết luận giám định số 724/GĐ-PC09 ngày 27/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: chữ ký đứng tên Trần Ngọc Bích dưới mục “bên ủy quyền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Trần Ngọc Bích trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra. Kết quả điều tra xác định giấy ủy quyền do Bùi Văn K tự viết, tự ký tên ông Trần Ngọc Bích và được UBND xã Quảng Kim chứng thực, nguồn gốc giấy chứng nhận QSDĐ là do quá trình làm cán bộ địa chính, K giữ lại không trả cho ông B, sau đó K báo với ông Bích giấy chứng nhận QSDĐ bị thất lạc và ông Bích đã được cấp lại. Sau khi vay tiền, K vẫn liên lạc thỏa thuận với H xin chậm trả nợ, không có mục đích chiếm đoạt tài sản.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 giấy chứng nhận công nhân viên số 236868 mang tên Trần Thị P; 01 chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 006911 mang tên Hoàng Thị Lập; 01 cuốn sổ bìa màu xanh nhãn hiệu Hải Tiến, ký hiệu MS:3347 loại 320 trang, được đánh số trang từ 01 đến 142; 01 cuốn sổ bìa màu trắng nhãn hiệu Hồng Hà, được đánh số từ 01 đến 05; 01 cuốn sổ, ký hiệu MS: 3354 loại 380 trang, được đánh số từ 01 đến 189; 01 cuốn sổ, ký hiệu MS: 3330 loại 260 trang, được đánh số từ 01 đến 98; 01 điện thoại di động Iphone 11 ProMax mặt sau màu vàng, gắn sim 0985612598; Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng); 01 giấy chứng nhận QSDĐ số BU 842277 mang tên Trần Ngọc Bích và Lê Thị Thái; 01 giấy ủy quyền đề ngày 08/8/2016 giữa Bùi Văn Khánh và Trần Ngọc Bích có chữ ký và dấu xác nhận của UBND xã Quảng Kim; 01 giấy chứng nhận QSDĐ số A191411 mang tên ông Hoàng Bồn cùng 01 trang bổ sung giấy chứng nhận đối với thửa đất và 01 tờ trích lục bản đồ địa chính đối với thửa đất; 07 tờ giấy ghi nội dung vay mượn tiền;

Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho Nguyễn Thị H các vật chứng gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 006911 mang tên Hoàng Thị L; 04 cuốn sổ sau khi đã tách các tài liệu là vật chứng vụ án để lưu giữ theo hồ sơ vụ án; 01 điện thoại di động Iphone 11 ProMax mặt sau màu vàng, gắn sim 0985612598; 07 tờ giấy ghi nội dung vay mượn tiền.

Tại bản Cáo trạng số 30/VKSQB-P3 ngày 13 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Cho

vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/12/2021).

Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu số tiền gốc bị cáo Nguyễn Thị H cho vay lãi nặng là 892.000.000 đồng, để sung ngân sách Nhà nước, trong đó:

Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp số tiền là 488.720.000 đồng mà những người vay đã trả.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H phải nộp số tiền 403.280.000 đồng (Số tiền này bà H vay của H nhưng chưa trả).

- Truy thu tại bị cáo Nguyễn Thị H số tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định là 36.986.301 đồng, để sung ngân sách Nhà nước

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền lãi đã thu vượt mức 20%/năm, tổng số tiền là 176.018.698 đồng, cụ thể:

- Trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: 01 giấy chứng nhận công nhân viên số 236868 mang tên Trần Thị P; 01 giấy chứng nhận QSDĐ số A191411 mang tên ông Hoàng B cùng 01 trang bổ sung giấy chứng nhận đối với thửa đất và 01 tờ trích lục bản đồ địa chính đối với thửa đất

- Tịch thu tiêu hủy 01 giấy ủy quyền đề ngày 08/8/2016 giữa Bùi Văn Khánh và Trần Ngọc Bích có chữ ký và dấu xác nhận của UBND xã Quảng Kim do người liên quan Bùi Văn K làm giả chữ ký; 01 giấy chứng nhận QSDĐ số BU 842277 mang tên Trần Ngọc Bích và Lê Thị Thái.

Số tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Thị Hường, giao chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn xử lý để đảm bảo thi hành án theo nguyện vọng của bà Hường.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị H nhất trí như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố và phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, cơ quan Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hay khiếu nại gì.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt lần thứ 02 không có lý do, nhưng đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các vật chứng đã thu giữ được. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định: Từ đầu năm 2018 đến tháng 4 năm 2021, bị cáo Nguyễn Thị H đã dùng số tiền 892.000.000 đồng cho 11 người vay tiền với lãi suất thấp nhất 109,5%/năm, cao nhất 146%/năm; gấp 5,47 đến 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị H đã thu 488.720.000 đồng tiền gốc, 213.005.000 đồng tiền lãi (gồm tiền lãi 20% là 36.986.301 đồng, tiền thu lợi bất chính 176.018.698 (một trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm mười tám nghìn, sáu trăm chín mươi tám đồng), tiền gốc người vay chưa trả 403.280.000 đồng.

Cụ thể như sau:

1. Phạm Tuấn A, sinh năm 1982, trú tại Tổ dân phố 6, phường Đồng S, thành phố Đồng H: Ngày 06/4/2021 vay 10.000.000 đồng, tiền lãi 3.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng lãi suất 109,5%/năm. Đã trả hết tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi của 10 ngày vay, trong đó bà H thu lợi bất chính 245.205 đồng.

2. Hoàng Tuấn A, sinh năm 1985, trú tại Tổ dân phố Minh L, phường Quảng T, thị xã Ba Đồn vay 05 lần với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm gồm:

- Lần 1: Ngày 25/4/2018 vay 35.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 3.150.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 2.574.657 đồng.

- Lần 2: Ngày 29/3/2019 vay 20.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 1.471.232 đồng.

- Lần 3: Ngày 13/6/2019 vay 50.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 4.500.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 3.678.082 đồng.

- Lần 4: Ngày 16/9/2019 vay 50.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 4.500.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 3.678.082 đồng.

- Lần 5: Ngày 31/12/2019 vay 50.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 4.500.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 3.678.082 đồng.

Tổng cộng 05 lần vay, bà H thu lợi bất chính 15.080.135 đồng.

3. Phan Thanh N, sinh năm 1992, trú tại Khu phố 1, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ vay 02 lần với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm gồm:

- Lần 1: Ngày 19/01/2018 vay 5.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 3.300.000 đồng tiền lãi của 220 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 2.697.260 đồng.

- Lần 2: Ngày 17/12/2018 vay 5.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 3.720.000 đồng tiền lãi của 248 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 3.040.547 đồng.

Tổng cộng 02 lần vay H thu lợi bất chính 5.737.807 đồng.

4. Phan Văn H, sinh năm 1991, trú tại Tổ dân phố 8, phường Đồng P, thành phố Đồng Hới vay 02 lần với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm gồm:

- Lần 1: Ngày 21/4/2018 vay 5.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 6.975.000 đồng tiền lãi của 465 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 5.701.027 đồng.

- Lần 2: Ngày 04/5/2018 vay 5.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 6.975.000 đồng tiền lãi của 465 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 5.701.027 đồng.

Tổng 02 lần vay H thu lợi bất chính 11.402.054 đồng.

5. Đặng Xuân L, sinh năm 1986, trú tại Thôn 16, xã Lộc N, thành phố Đồng H vay 02 lần với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm gồm:

- Lần 1: Ngày 06/10/2018 vay 7.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 3.255.000 đồng tiền lãi của 155 ngày vay, trong đó bà H thu lợi bất chính 2.660.479 đồng.

- Lần 2: Ngày 14/11/2018 vay 25.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 6.750.000 đồng tiền lãi của 90 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 5.517.123 đồng.

Tổng cộng 02 lần vay H thu lợi bất chính 8.177.602 đồng.

6. Trương Anh T, sinh năm 1984, trú tại Tổ dân phố C, phường Quảng T, thị xã Ba Đồn: Ngày 15/01/2018 vay 30.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm. Đã trả hết tiền gốc và 20.160.000 đồng tiền lãi của 224 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 16.477.808 đồng.

7. Trần Hữu t, sinh năm 1996, trú tại thôn 7, thị trấn Hoàn L, huyện Bồ T vay 02 lần với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm gồm:

- Lần 1: Ngày 04/01/2018 vay 10.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 735.616 đồng.

- Lần 2: Ngày 16/8/2018 vay 10.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 3.720.000 đồng tiền lãi của 124 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 3.040.547 đồng.

Tổng cộng 02 lần vay H thu lợi bất chính 3.776.163 đồng.

8. Bùi Tiến Đ, sinh năm 1991, trú tại thôn Cảnh T, xã Cảnh D, huyện Quảng Trạch: Ngày 09/10/2020 vay 20.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm. Đã trả hết tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 1.471.232 đồng.

9. Hoàng Thị Hiếu, sinh năm 1964, trú tại thôn Văn P, xã Quảng V, thị xã Ba Đ vay 02 lần, gồm:

- Lần 1: Ngày 02/5/2018 vay 320.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 146%/năm. Đã trả được 32.000.000 đồng tiền lãi của 25 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 27.616.438 đồng, tiền gốc chưa trả.

- Lần 2: Ngày 25/5/2018 vay 160.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm. Đã trả được 76.720.000 đồng tiền gốc và 89.280.000 đồng tiền lãi của 186 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 72.973.150 đồng. Tiền gốc chưa trả 83.280.000 đồng.

Tổng cộng 02 lần vay H thu lợi bất chính 100.589.588 đồng.

10. Tạ Hữu Tình, sinh năm 1993, trú tại khu phố 5, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ vay 03 lần với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm, gồm:

- Lần 1: Ngày 01/02/2018 vay 35.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 3.150.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 2.574.657 đồng.

- Lần 2: Ngày 01/12/2018 vay 15.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 1.350.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 1.103.424 đồng.

- Lần 3: Ngày 01/01/2020 vay 10.000.000 đồng. Đã trả hết tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi của 30 ngày vay, trong đó H thu lợi bất chính 735.616 đồng.

Tổng cộng 03 lần vay H thu lợi bất chính 4.413.697 đồng.

11. Trần Thị P, sinh năm 1963, trú tại khu phố 5, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ: Ngày 08/8/2020 vay 15.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 146%/năm. Đã trả 10.020.000 đồng tiền lãi của 167 ngày vay, trong đó Hưởng thu lợi bất chính 8.647.397 đồng. Sau đó, H thống nhất trừ tiền lãi vào gốc cho bà P, hiện bà P đã trả thêm 5.000.000 đồng tiền gốc, theo thỏa thuận xem như bà Phương đã trả hết nợ gốc.

Do đó, đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo tuy ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về lĩnh vực tài chính, ngân hàng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho nhiều gia đình lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì lợi nhuận, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hình sự, nhằm đảm bảo răn đe, giáo dục và mang tính phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51. Ngoài ra, bị cáo có anh ruột là bệnh binh, được nhà nước tặng huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhì nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng, xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương là cũng đủ nghiêm và phù hợp với chính sách nhân đạo của pháp luật và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về biện pháp tư pháp: Số tiền gốc bị cáo Nguyễn Thị H cho vay lãi nặng 892.000.000 đồng là phương tiện phạm tội, cần truy thu sung ngân sách nhà nước, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp số tiền gốc cho vay đã thu được về là 488.720.000 đồng

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải trả nộp số tiền gốc còn nợ chưa trả lại bị cáo Nguyễn Thị H là 403.280.000 đồng, gồm: Bà Hoàng Thị H phải nộp số tiền 403.280.000 đồng.

[7] Đối với số tiền lãi bị cáo Nguyễn Thị H đã thu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tương ứng với mức lãi suất 20%/năm (theo quy định của Bộ luật dân sự) 36.986.301 đồng là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội mà có cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

[8] Đối với số tiền lãi bị cáo Nguyễn Thị H đã thu vượt mức lãi suất quy định 20%/năm là 176.018.698 đồng, cần buộc phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo, cụ thể:

Trả lại cho anh Phạm Tuấn A số tiền là 245.205 đồng

Trả lại cho anh Hoàng Tuấn A số tiền là 15.080.135 đồng

Trả lại cho anh Phan Thanh N số tiền là 5.737.807 đồng

Trả lại cho anh Phan Văn H số tiền là 11.402.054 đồng

Trả lại cho anh Đặng Xuân L số tiền 8.177.602 đồng

Trả lại cho anh Trương Anh T số tiền là 16.477.808 đồng

Trả lại cho anh Trần Hữu T số tiền 3.776.163 đồng

Trả lại cho anh Bùi Tiến Đ số tiền là 1.471.232 đồng

Trả lại cho bà Hoàng Thị H số tiền 100.589.588 đồng

Trả lại cho anh Tạ Hữu T số tiền là 4.413.697 đồng

Trả lại cho chị Trần Thị P số tiền 8.647.397 đồng

[9] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 giấy chứng nhận công nhân viên số 236868 mang tên Trần Thị P; 01 chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 006911 mang tên Hoàng Thị L; 01 cuốn sổ bìa màu xanh nhãn hiệu Hải Tiến, ký hiệu MS:3347 loại 320 trang, được đánh số trang từ 01 đến 142; 01 cuốn sổ bìa màu trắng nhãn hiệu Hồng Hà, được đánh số từ 01 đến 05; 01 cuốn sổ, ký hiệu MS: 3354 loại 380 trang, được đánh số từ 01 đến 189; 01 cuốn sổ, ký hiệu MS: 3330 loại 260 trang, được đánh số từ 01 đến 98; 01 điện thoại di động Iphone 11 ProMax mặt sau màu vàng, gắn sim 0985612598; Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng); 01 giấy chứng nhận QSDĐ số BU 842277 mang tên Trần Ngọc Bích và Lê Thị Thái; 01 giấy ủy quyền đề ngày 08/8/2016 giữa Bùi Văn Khánh và Trần Ngọc Bích có chữ ký và dấu xác nhận của UBND xã Quảng Kim; 01 giấy chứng nhận QSDĐ số A191411 mang tên ông Hoàng Bồn cùng 01 trang bổ sung giấy chứng nhận đối với thửa đất và 01 tờ trích lục bản đồ địa chính đối với thửa đất; 07 tờ giấy ghi nội dung vay mượn tiền;

Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho Nguyễn Thị H các vật chứng gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 006911 mang tên Hoàng Thị Lập; 04 cuốn sổ sau khi đã tách các tài liệu là vật chứng vụ án để lưu giữ theo hồ sơ vụ án; 01 điện thoại di động Iphone 11 ProMax mặt sau màu vàng, gắn sim 0985612598; 07 tờ giấy ghi nội dung vay mượn tiền. Tại phiên tòa, không ai có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét

Đối với những vật chứng thu giữ của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm 01 giấy chứng nhận công nhân viên số 236868 mang tên Trần Thị Phương; 01 giấy chứng nhận QSDĐ số A191411 mang tên ông Hoàng Bồn cùng 01 trang bổ sung giấy chứng nhận đối với thửa đất và 01 tờ trích lục bản đồ địa

chính đối với thửa đất, đây là các giấy tờ cá nhân, cần trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, tịch thu tiêu hủy 01 giấy ủy quyền đề ngày 08/8/2016 giữa Bùi Văn Khánh và Trần Ngọc Bích có chữ ký và dấu xác nhận của UBND xã Quảng Kim do người liên quan Bùi Văn Khánh làm giả chữ ký; 01 giấy chứng nhận QSDĐ số BU 842277 mang tên Trần Ngọc Bích và Lê Thị Thái do bà Thái ông Bích đã được cấp lại.

Đối với số tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) thu giữ của bị cáo, mặc dù số tiền này không liên quan đến việc phạm tội nhưng bị cáo Nguyễn Thị Hương đề nghị sử dụng số tiền trên để khắc phục hậu quả của vụ án. Vì vậy, để đảm bảo thi hành án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Đối với Bùi Văn K đã mạo danh ông Trần Ngọc Bích làm giấy ủy quyền, đồng thời gian dối với bà Hương để được vay tiền. Tuy nhiên UBND xã Quảng Kim không phát hiện và vẫn thực hiện việc chứng thực vào giấy ủy quyền nên đây không phải là tài liệu giả, đồng thời Khánh không có mục đích chiếm đoạt tài sản mà chỉ nhằm để được vay tiền nên hành vi của Bùi Văn Khánh không cấu thành tội phạm.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và các nội dung khác là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 47, Điều 48, Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 2, 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/12/2021).

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân phường Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu số tiền gốc bị cáo Nguyễn Thị H cho vay lãi nặng là 892.000.000 đồng, để sung ngân sách Nhà nước, trong đó:

Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp số tiền là 488.720.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H, trú tại: Thôn Văn P, xã Quảng V, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình phải nộp số tiền 403.280.000 đồng.

- Truy thu tại bị cáo Nguyễn Thị H số tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định là 36.986.301 đồng, để sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền lãi đã thu vượt mức 20%/năm, tổng số tiền là 176.018.698 đồng, cụ thể:

Trả lại cho anh Phạm Tuấn A số tiền là 245.205 đồng

Trả lại cho anh Hoàng Tuấn A số tiền là 15.080.135 đồng

Trả lại cho anh Phan Thanh N số tiền là 5.737.807 đồng

Trả lại cho anh Phan Văn H số tiền là 11.402.054 đồng

Trả lại cho anh Đặng Xuân L số tiền 8.177.602 đồng

Trả lại cho anh Trương Anh T số tiền là 16.477.808 đồng

Trả lại cho anh Trần Hữu T số tiền 3.776.163 đồng

Trả lại cho anh Bùi Tiến Đ số tiền là 1.471.232 đồng

Trả lại cho bà Hoàng Thị H số tiền 100.589.588 đồng

Trả lại cho anh Tạ Hữu T số tiền là 4.413.697 đồng

Trả lại cho chị Trần Thị P số tiền 8.647.397 đồng

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về vật chứng:

- Trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Trả cho bà Trần Thị P: 01 giấy chứng nhận công nhân viên số 236868 mang tên Trần Thị P.

Trả lại cho bà Hoàng Thị H: 01 giấy chứng nhận QSDĐ số A191411 mang tên ông Hoàng B cùng 01 trang bổ sung giấy chứng nhận đối với thửa đất và 01 tờ trích lục bản đồ địa chính đối với thửa đất

- Tịch thu tiêu hủy 01 giấy ủy quyền đề ngày 08/8/2016 giữa Bùi Văn Khánh và Trần Ngọc Bích có chữ ký và dấu xác nhận của UBND xã Quảng Kim do người liên quan Bùi Văn Khánh làm giả chủ ký; 01 giấy chứng nhận QSDĐ số BU 842277 mang tên Trần Ngọc Bích và Lê Thị Thái.

Tiếp tục tạm giữ số tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) mà bị cáo Nguyễn Thị H tự nguyện nộp để đảm

bảo thi hành án theo quy định pháp luật.(Theo Quyết định chuyển vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn ngày 13/10/2021).

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 8.894.934 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm(21/12/2021). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi họ thường trú./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Công an thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dương